

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG DƯỢC VIỆT FAVICO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG DƯỢC VIỆT FAVICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FAVICO DUOC VIET APPLICATION AND RESEARCH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FAVICO .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109890110

**3. Ngày thành lập:** 17/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 67-6, Ngõ 8, Đường Tả Thanh Oai, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462.927.279

Fax: 02462.927.279

Email: favico2022@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                    | 4511        |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                    | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                      | 4513        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                 | 4520        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                 | 4632        |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                               | 4633        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Bán buôn dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649(Chính) |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Kinh doanh trang thiết bị y tế                                                                                    | 4659        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                     | 4669        |
| 10. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                        | 0128        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                            | 8299        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                         | 7710        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                 | 4721 |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 16. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                               | 1050 |
| 17. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                     | 1062 |
| 18. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                                | 1102 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                               | 4931 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                       | 5210 |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 24. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                       | 3250 |
| 25. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                        | 3312 |
| 26. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                           | 3320 |
| 27. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>HUYỀN | Căn hộ 1908,<br>CT8A, Khu đô thị<br>Đại Thanh, Xã Tả<br>Thanh Oai,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       | 0271810006<br>40                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRINH MINH<br>THẢO  | Số 66 phố Bùi Thị<br>Xuân, Khu 5,<br>Phường Ba Đình,<br>Thị xã Bim Sơn,<br>Tỉnh Thanh Hoá,<br>Việt Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 9,000        | 0380890092<br>18                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 9,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                      |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG HUY TIẾN | Phòng 1908, CT8A, Khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 205.000 | 2.050.000.000 | 41,000 | 038080040683 |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                      | Tổng số                   | 205.000 | 2.050.000.000 | 41,000 |              |
|   |                |                                                                                                      |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH MINH THẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038089009218

Ngày cấp: 07/02/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 66 phố Bùi Thị Xuân, Khu 5, Phường Ba Đình, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 66 phố Bùi Thị Xuân, Khu 5, Phường Ba Đình, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội